TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 9 - 2021
V/v: "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ
Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông Đặng Thành Sơn

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Nh (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Hoàng N (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 23/02/2021, các văn bản tố tụng và tại tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Nh trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Hoàng N tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Phước A. Sau khi kết hôn và về chung sống với nhau, giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn vào năm 2019. Nguyên nhân ban đầu xuất phát từ việc anh, chị đi làm ăn và gửi con lại cho cha, mẹ chồng

nuôi. Gia đình bên chồng yêu cầu chị hàng tháng phải gửi số tiền về nuôi con. Do chị cho rằng số tiền lớn so với mức thu nhập của anh, chị nhưng anh N lại nghe lời cha, mẹ chồng nên giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất đồng ý kiến, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Sau đó, anh N bỏ đi. Anh, chị ly thân nhau từ tháng 10/2020, không ai quan tâm ai.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 16/5/2019 hiện đang sống cùng anh N và gia đình bên chồng.

Nay xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên chị Nh yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu xin được chung con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa, chị thay đổi yêu cầu, thống nhất để cháu P cho anh N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung; Nợ chung: Khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Hoàng N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến tòa nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh N vắng mặc dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh N thấy rằng chị Nh và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh, chị đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Phước A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh, chị có đủ điều kiện kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau giữa anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Nh thì sau khi kết hôn và về chung sống với nhau, giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, không tìm được tiếng nói chung, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh, chị đã ly thân nhau từ tháng 10/2020 đến nay, không ai quan tâm ai.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa, anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh N biết Tòa án thụ lý và giải quyết vụ kiện nhưng không đến Tòa tham gia hòa giải hàn gắn đoàn tụ, không có ý kiến, nguyện vọng gì chứng tỏ anh N không

quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân và cũng không có thiện chí muốn hàn gắn được đoàn tụ. Từ đó xác định mâu thuẫn giữa chị Nh và anh N đã trầm trọng, nếu kéo dài thêm thời gian thì mối quan hệ hôn nhân cũng không thể nào hàn gắn lại nên yêu cầu xin được ly hôn của chị Nh là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con chung: Xét thấy ban đầu chị Nh có yêu cầu được nuôi con chung. Tuy nhiên sau đó chị đồng ý giao con cho anh N tiếp tục nuôi. Do từ khi ly thân đến nay cháu Phát đang ở chung với anh N cùng với gia đình bên nội nên mến tay mến chân. Mặt khác, chị Nh thừa nhận cháu P được anh N và gia đình bên nội chăm sóc chu đáo. Do đó mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, anh N vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu được nuôi con nhưng để tạo điều kiện cho cháu P có cuộc sống ổn định và đã quen với môi trường sống lâu nay, cần giao cháu cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phát là phù hợp. Chị Nh chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh N chưa có yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị Nh không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Nh và anh Nguyễn Văn Hoàng N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Hoàng N được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 16/5/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. chị Nh chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị Nh không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại

biên lai số 0007783 ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Nh đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDT. Hậu Giang;
- VKS nhân dân H. Châu Thành;
- THA H. Châu Thành;
- Cơ quan đăng ký kết hôn (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Thọ